

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS - ST

Ngày: 03/4/2018

V/v Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

2. Ông Phan Kiên Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2017/TLST - DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 về “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PY, xã TP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1936 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BQ, xã NT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Bà Dương Thị B, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PY, xã TP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 15 tháng 01 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Mai Thị N trình bày: Vào tháng 03/2006 bà M có nhờ bà N vay của bà Dương Thị B 06 chỉ vàng 24K, lãi suất 50.000^d/tháng/chỉ tương đương 300.000^d/tháng/06 chỉ. Khi cho vay hai bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa

thuận miệng có sự chứng kiến của bà Dương Thị B. Từ khi vay đến nay bà M không đóng lãi.

Đến năm 2008 bà M trả được 04 chỉ vàng 24K, còn tiền lãi thì không đóng.

Nay bà N yêu cầu bà M trả 02 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Trong bản tự khai ngày 18/12/2017 bị đơn là bà Trần Thị M trình bày:

Vào năm 2006 bà có vay của bà N 04 chỉ vàng 24K, đến năm 2008 bà M đã trả cho bà N 04 chỉ vàng 24K, còn lãi thì không trả. Bà M trực tiếp vay bà N 04 chỉ vàng 24K không có ai khác chứng kiến. Nay bà M đồng ý trả cho bà N 01 chỉ vàng 24K. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

- Người làm chứng là bà Dương Thị B trình bày:

Bà B có cho bà Trần Thị M vay 06 chỉ vàng 24K, hai bên thỏa thuận lãi suất là 50.000^d/tháng/chỉ, hai bên có làm giấy tay, bà N là người bảo lãnh cho bà M, bà B giao trực tiếp 06 chỉ vàng 24K cho bà M, khi giao vàng thì có mặt bà N, bà M và bà B. Bà B không quen biết bà M, nhưng có bà N là người bảo lãnh nên bà B mới cho bà M vay. Từ khi vay đến nay bà N là người trực tiếp đóng lãi cho B, bà M không có đóng lãi. Hiện nay bà M đã trả được 04 chỉ vàng 24K, còn lại 02 chỉ vàng 24K chưa trả. Nay bà B khẳng định bà là người trực tiếp giao vàng cho bà M, bà N chỉ là người bảo lãnh.

Nay bà B yêu cầu bà M phải trả 02 chỉ vàng 24K cho bà N, để bà N trả lại cho bà B, vì bà N là người bảo lãnh cho bà M. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn là bà N yêu cầu bà M phải 02 chỉ vàng 24K. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn là bà Trần Thị M không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, bà M chỉ đồng ý trả 01 chỉ vàng 24K cho bà N. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng và không nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N về việc yêu cầu bà M phải trả 02 chỉ vàng 24k.

Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà N trình bày vào tháng 3/2006 bà M có vay của bà N 06 chỉ vàng 24K, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có làm

giấy tờ, thoả thuận lãi suất 01 phân/chi/tháng. Sau đó bà M trả bà N được 04 chỉ vàng 24K vốn và không có đóng lãi, còn lại 02 chỉ vàng 24K đến nay chưa trả. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M thừa nhận là có vay 04 chỉ vàng 24K của bà N, sau đó bà M đã trả cho bà N 04 chỉ vàng 24K xong, còn lãi không trả. Nay bà M đồng ý trả bà N 01 chỉ vàng 24K.

Xét thấy, lời trình bày của bà N cho rằng bà M còn nợ 02 chỉ vàng 24K nhưng bà N không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh là bà M còn nợ 02 chỉ vàng 24K, trong khi bà M không thừa nhận việc này. Hơn nữa tại phiên tòa sơ thẩm bà N cho rằng bà là người trực tiếp giao vàng cho bà M chứ không phải là bà B, lời trình bày của bà mâu thuẫn với lời trình bày của bà B nên lời trình bày của bà B cho rằng là người trực tiếp giao vàng cho bà M là không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M đồng ý trả cho bà N 01 chỉ vàng 24K là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự tự nguyện này của bà M.

Công nhận sự tự nguyện của bà M trả cho bà N 01 (Một) chỉ vàng 24K.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Do yêu cầu của bà N được chấp nhận một phần nên bà N phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà N là thân nhân gia đình liệt sĩ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và thuộc trường hợp người cao tuổi nên bà N thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2] Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu bà N được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà M, sinh năm 1936 thuộc trường hợp người cao tuổi nên bà M được miễn tiền án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà M không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N;

- Công nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị M đồng ý trả bà Mai Thị N 01 (Một) chỉ vàng 24K.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M, bà N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo